

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIẾT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
(Khóa 23 điều chỉnh)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Du lịch**

Tên tiếng Anh: **Tourism**

Mã ngành: **7810101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 469/QĐ-ĐHTG ngày 22 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tiền Giang, năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	3
1. Thông tin về chương trình đào tạo khóa học	3
1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo.....	3
1.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo.....	3
2. Chuẩn đầu vào.....	4
3. Cấp bằng tốt nghiệp.....	4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	4
1. Mục tiêu cụ thể	4
2. Chuẩn đầu ra	5
2.1. Kiến thức.....	5
2.2. Kỹ năng	6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT	6
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	7
1. Cấu trúc chương trình.....	7
2. Khung chương trình	7
3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học	12
4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần.....	12
5. Đề cương chi tiết học phần	14
6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học	15
7. Thông tin cập nhật	15

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH DU LỊCH

Khóa 23

(Ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-ĐHTG ngày 22 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Du lịch**
- Tên ngành:
 - + Tiếng Việt: **Du lịch**
 - + Tiếng Anh: **Tourism**
- Mã ngành: 7810101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân Du lịch**
 - + Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo: Chương trình Đại học Du lịch

của Trường ĐHTG được xây dựng có tham khảo các CTĐT sau:

- + CTĐT đào tạo trình độ đại học ngành Du lịch, Trường Du lịch - Đại học Huế.
- + CTĐT đào tạo trình độ đại học ngành Du lịch, Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, tự học suốt đời, hội nhập; sáng tạo, có thể nhận ra và phát huy tiềm năng của bản thân.

Đào tạo theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức tổng quát về chính trị, pháp luật, xã hội, tự nhiên, giáo dục thể chất, quốc phòng; kiến thức

cơ bản về kinh tế, quản trị, văn hóa, lịch sử, tin học và kiến thức chuyên sâu, nghiệp vụ và kỹ năng chuyên ngành về du lịch, kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, thuyết trình, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Có kiến thức cơ bản về chính trị pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng, khoa học tự nhiên, môi trường, tin học để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực có liên quan đến du lịch, nhà hàng, khách sạn.

PO02: Có kiến thức nền tảng về ngoại ngữ, kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội.

PO03: Có kiến thức chuyên sâu về vận hành, quản lý các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn và các nghiệp vụ có liên quan đến chuyên ngành Du lịch

1.2. Kỹ năng

PO04. Vận dụng kiến thức liên ngành kinh tế, văn hóa xã hội, lịch sử và các kỹ năng cần thiết khác để giải quyết vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng và Việt Nam nói chung.

PO05: Có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, và làm việc nhóm hoặc làm việc độc lập có hiệu quả.

PO06: Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo, giải quyết được các tình huống phát sinh trong công việc có liên quan đến lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, có thể đề xuất những giải pháp để giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO07: Phát huy năng lực tự chủ, tự học, hội nhập, sáng tạo.

PO08: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và có trách nhiệm với nghề nghiệp, xã hội, cộng đồng.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Tổ chức, quản lý, và điều hành hoạt động du lịch, nhà hàng, khách sạn.
- Vận dụng chuyên đổi số trong lĩnh vực du lịch và sử dụng phương tiện truyền thông trong kinh doanh tiếp thị sản phẩm du lịch.
- Thực hiện những nghiệp vụ du lịch của nhân viên tại các doanh nghiệp lữ hành, nhà hàng, khách sạn.
- Khởi nghiệp trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành du lịch.
- Đảm nhận các vị trí trong một đơn vị lữ hành trong và ngoài nước: Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên kinh doanh du lịch, điều hành chương trình du lịch.
- Đảm nhận các vị trí trong một cơ sở lưu trú trong và ngoài nước: Lễ tân, phục vụ bàn, bar, buồng, giám sát.
- Quản lý trong các đơn vị kinh doanh du lịch, lữ hành, lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí trong nước và quốc tế.
- Chuyên viên phụ trách hoặc quản lý tại các Sở, Phòng, Ban, Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực du lịch.
- Nghiên cứu viên tại các trung tâm nghiên cứu về du lịch; Tư vấn viên và cố vấn các đề tài, đề án, dự án thuộc về du lịch.
- Học bổ sung các chứng chỉ sư phạm để làm giáo viên, giảng viên tại các Trường, cơ sở đào tạo về du lịch.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

Tiếp tục học bổ sung một số học phần để đạt được văn bằng 2, hoặc theo học nâng cao các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc chuyên ngành du lịch và các ngành học khác ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng có liên quan đến lĩnh vực du lịch

K02: Vận dụng kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội đáp ứng công việc ngành du lịch

K03: Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, buồng, bàn, bar và các kiến thức về kinh doanh du lịch

K04. Phân tích tổng hợp các kiến thức về vùng, miền, điểm du lịch, tài nguyên du lịch, tour, tuyến điểm du lịch.

K05: Vận dụng kiến thức về điều hành, quản lý kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn để tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực du lịch có hiệu quả.

2.2. Kỹ năng

S01. Kỹ năng phản biện và giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

S03: Kỹ năng giao tiếp

S04: Kỹ năng lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, thời gian, đánh giá hoạt động của hoạt động kinh doanh du lịch, khởi nghiệp.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

A02: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành du lịch và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, thái độ làm việc phù hợp, cầu tiến.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
PO01	X	X										
PO02	X	X		X								
PO03			X	X	X							
PO04						X	X	X	X			
PO05						X	X	X				
PO06						X			X			
PO07										X	X	X
PO08										X	X	X

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **150**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35	0	35	27.7
2	Kiến thức cơ sở ngành	8	0	8	6.3
3	Kiến thức ngành	59	0	59	46.8
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	8	26	26	6.3
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	10	0	10	7.9
6	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp, Chuyên đề/ Đồ án cuối khóa	6	12	12	5
Tổng cộng		126	38	150	100%

2. Khung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							12	12	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
05022	Cơ sở Văn hóa Việt Nam A	30					2	2	
06022	Lịch sử văn minh thế giới	30					2	2	
06053	Lịch sử Việt Nam	30	30				3	3	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
73603	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	35	10	10			3	3	72003+
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024 ⁺
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
1.4. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							165 tiết*		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							35	35	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							8	8	
72003	Tổng quan du lịch	30	30				3	3	
73682	Luật du lịch và đạo đức kinh doanh	25	10				2	2	71012+
73523	Tài nguyên và môi trường du lịch	30	20	10			3	3	
2.2. Kiến thức ngành							59	59	
72063	Marketing du lịch	40	10				3	3	
73692	Tuyển điểm du lịch	25	10				2	2	
73613	Tâm lý du khách	40	10				3	3	
73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	20	10	10			2	2	
73543	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	35	10	10			3	3	72463+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
72463	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	30	10	20			3	3	73523+
72403	Quản trị kinh doanh lễ hành	40	10				3	3	73543+
73313	Văn hóa ẩm thực Việt Nam và Thế giới	30		30			3	3	05022+
72043	Nghệ vụ lễ tân	30	10	20			3	3	
72052	Nghệ vụ buồng	15		30			2	2	
73583	Kinh tế du lịch	30	30				3	3	
73553	Quản trị nhân lực du lịch	40	10				3	3	
72614	Quản trị nhà hàng - khách sạn	35	10	40			4	4	72043+
73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	40	10				3	3	
73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	40	10				3	3	
72602	Tin học ứng dụng chuyên ngành du lịch	15		30			2	2	
73572	Thương mại điện tử trong du lịch	20		20			2	2	72602+
73702	Kế toán chuyên ngành du lịch	27	6				2	2	
73732	Du lịch cộng đồng	25	10				2	2	
07604	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1	50	10	10			4	4	08044+
07614	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2	50	10	10			4	4	07604+
2.3. Kiến thức bổ trợ							26	8	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 4 TC)							12	4	
72272	Văn hóa du lịch	25	10				2	4	
04372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	30					2		
73722	Địa lý Việt Nam	25	10				2		
73752	Phát triển sản phẩm du lịch	25	10				2		
73772	Marketing nhà hàng – khách sạn	25	10				2		
73742	Phương pháp xây dựng thực đơn	25	10				2		
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 4 TC)							14	4	
73782	Quản trị thực phẩm đồ uống	25	10				2	4	
73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	25	10				2		
72692	Y tế trong du lịch	20		20			2		
73762	Team building và hoạt náo	15		30			2		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
73662	Khởi sự doanh nghiệp trong du lịch	25	10				2		
73712	Bảo tồn di sản Việt Nam	25	10				2		
73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch	25	10				2		
2.4. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế, <i>Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận</i>							22	16	
2.4.1. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế							10	10	
73501	Thực tế 1 (Khu vực Tiền Giang/Bến Tre/Long An)				45		1	1	
73511	Thực tế 2 (Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long)				45		1	1	73501+
73602	Thực tế 3 (Khu vực miền Trung, Tây Nguyên)				90		2	2	73511+
72703	Thực tập nghề nghiệp 1				135		3	3	
72713	Thực tập nghề nghiệp 2				135		3	3	72703+
2.4.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							12	6	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
72944	Thực tập chuyên đề cuối khóa					180	4	6	72713+
72952	Chuyên đề	25	10				2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
72966	Khóa luận cuối khóa (Du lịch)					360	6	6	72713+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							115	91	
Số tín chỉ tổng cộng: 150 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học (các học phần General English 1, General English 2) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý

thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺.

3. Kế hoạch chuẩn giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học

- Sơ đồ đào tạo của các học phần theo học kỳ

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo

4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

4.1. Bảng chi tiết CDR của CTĐT

STT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
1	KIẾN THỨC		
1.1	K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng có liên quan đến lĩnh vực du lịch		
1.1.1	K01.1	Hiểu kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật đại cương, quốc phòng – an ninh, văn hóa và môi trường	
1.1.2	K01.2	Vận dụng được kiến thức về giáo dục thể chất nhằm có được sức khỏe để học tập và làm việc	
1.1.3	K01.3	Vận dụng được kiến thức về ứng dụng CNTT cơ bản vào học tập, nghiên cứu, làm việc	
1.1.4	K01.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên	
1.2	K02: Vận dụng kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội đáp ứng công việc ngành du lịch		

1.2.1	K02.1	Vận dụng kiến thức về kinh tế có liên quan đến du lịch	
1.2.2	K02.2	Vận dụng kiến thức về văn hóa trong lĩnh vực du lịch	
1.2.3	K02.3	Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội trong lĩnh vực du lịch.	
1.3	K03: Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, buồng, bàn, bar và các kiến thức về kinh doanh du lịch		
1.3.1	K03.1	Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	
1.3.2	K03.2	Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ buồng, phòng	
1.3.3	K03.3	Vận dụng kiến thức về các nghiệp vụ bàn, bar	
1.3.4	K03.4	Vận dụng kiến thức về marketing du lịch	
1.3.5	K03.5	Vận dụng kiến thức pháp luật có liên quan đến du lịch	
1.4	K04. Phân tích tổng hợp các kiến thức về vùng, miền, điểm du lịch, tài nguyên du lịch, tour, tuyến điểm du lịch.		
1.4.1	K04.1	Vận dụng kiến thức về các vùng, miền, điểm du lịch vào hoạt động kinh doanh du lịch	
1.4.2	K04.2	Vận dụng kiến thức về tài nguyên du lịch vào hoạt động kinh doanh du lịch	
1.4.3	K04.3	Đánh giá tính khả thi, hiệu quả của tour, tuyến điểm vào hoạt động kinh doanh du lịch	
1.4.4	K04.4	Đánh giá thực tế tại các điểm tham quan du lịch, doanh nghiệp du lịch và dịch vụ có liên quan	
1.5	K05: Vận dụng kiến thức về điều hành, quản lý kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn để tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực du lịch có hiệu quả.		
1.5.1	K05.1	Vận dụng kiến thức về quản trị kinh doanh du lịch, lễ hành, khu du lịch.	
1.5.2	K05.2	Vận dụng kiến thức về quản lý đơn vị kinh doanh nhà hàng - khách sạn, resort.	
1.5.3	K05.3	Vận dụng kiến thức về quản lý, tổ chức sự kiện	
1.5.4	K05.4	Vận dụng kiến thức về quản lý, kiểm soát quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh du lịch	
2	KỸ NĂNG		
2.1	S01. Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc		
2.1.1	S01.1	Phản biện, phê phán	
2.1.2	S01.2	Xác định và khái quát hóa vấn đề	

2.1.3	S01.3	Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn	
2.1.4	S01.4	Đề xuất giải pháp	
2.1.5	S01.5	Xác định mục tiêu, các tiêu chí đánh giá và đánh giá chất lượng công việc của mỗi thành viên trong nhóm	
2.1.6	S01.6	Xác định các tiêu chí đánh giá thành viên và thực hiện đánh giá kết quả làm việc của mỗi thành viên	
2.2	S02. Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.		
2.2.1	S02.1	Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày	
2.2.2	S02.2	Đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành bằng ngoại ngữ	
2.3	S03. Kỹ năng giao tiếp		
2.3.1	S03.1	Xác định chiến lược giao tiếp	
2.3.2	S03.2	Giao tiếp bằng văn bản	
2.3.3	S03.3	Giao tiếp điện tử/đa truyền thông	
2.3.4	S03.4	Thuyết trình	
2.3.5	S03.5	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	
2.4	S04: Kỹ năng lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, thời gian, đánh giá hoạt động của hoạt động kinh doanh du lịch, khởi nghiệp.		
2.4.1	S04.1	Lập kế hoạch điều phối hợp lý	
2.4.2	S04.2	Quản lý nguồn lực, thời gian, tài chính	
2.4.3	S04.3	Đánh giá các hoạt động kinh doanh du lịch	
2.4.4	S04.4	Dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác	
3	MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
3.1	A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.		
3.1.1	A01.1	Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi	
3.1.2	A01.2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc	
3.1.3	A01.3	Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn.	
3.1.4	A01.4	Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	
3.2	A02: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành du lịch và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân		
3.2.1	A02.1	Xác định động cơ học tập, làm việc	
3.2.2	A02.2	Tự định hướng được mục tiêu học tập, làm việc	

3.2.3	A02.3	Tổng hợp, phân tích được các thông tin, điều kiện ảnh hưởng đến mục tiêu nghề nghiệp đã được xác định	
3.2.4	A02.4	Lập kế hoạch phát triển vấn đề được quan tâm	
3.3	A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, thái độ làm việc phù hợp, cầu tiến.		
3.3.1	A03.1	Tuân thủ các quy định và tôn trọng giá trị văn hóa tại nơi làm việc.	
3.3.2	A03.2	Thực hiện đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực xã hội.	
3.3.3	A03.3	Thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, cầu tiến.	

4.2. Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần

Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần

5. Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục III: Bộ đề cương chi tiết học phần của chương trình

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học

6.1. Thời gian đào tạo của các học phần

- Mỗi học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình

a) Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

- Khóa học là khoản thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

- Một năm học có 2 học kỳ chính. Trường có thể tổ chức thêm 1 học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện điểm, hoặc học tập chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng -An ninh (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học, 2 tuần thi và chấm thi).

- Đầu học kỳ, Nhà trường công bố kế hoạch mở lớp học phần (trực tiếp hoặc trực tuyến) trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của khóa ngành học, trong đó công khai đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

b) Căn cứ vào Khung kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Kinh tế - Luật phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối

lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

7. Thông tin cập nhật

7.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang.

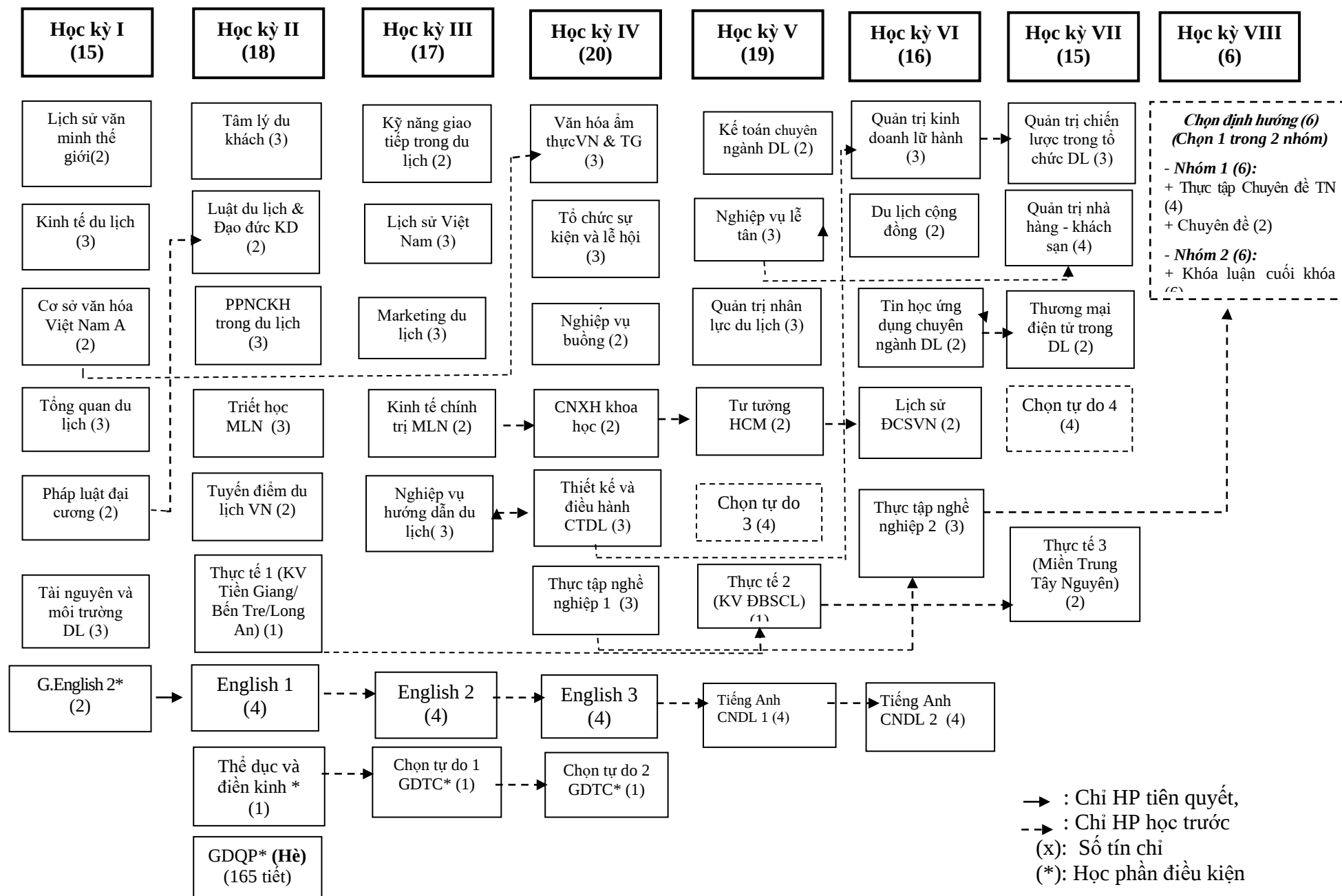
7.2. Thông tin kiểm định

Chương trình đào tạo ngành Du lịch trình độ đại học đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đánh giá ngoài, đang thực hiện công khai Nghị quyết theo quy trình để công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, dự kiến vào tháng 9 năm 2024./.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT ĐH DU LỊCH**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Du Lịch - Khóa 23



PHỤ LỤC II:

MA TRẬN PHÂN BỐ CHI TIẾT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT VÀO CÁC HỌC PHẦN

Phần 1: Kiến thức

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần																			
			K01				K02			K03					K04				K05			
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K02.1	K02.2	K02.3	K03.1	K03.2	K03.3	K03.4	K03.5	K04.1	K04.2	K04.3	K04.4	K05.1	K05.2	K05.3	K05.4
I	72003	Tổng quan du lịch					1	1	1							1						1
	73583	Kinh tế du lịch	1				1															2
	73523	Tài nguyên và môi trường DL	1					1							2	1						
II	73613	Tâm lí du khách						1	1													
	73682	Luật du lịch & Đạo đức kinh doanh VN	1				1	1	1					2								
	73603	Phương pháp NCKH trong DL							1									1			1	
	73501	Thực tế 1 (KV TG/BT/LA)					1	1	1						1	1	1	1				
III	73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch						1	1													
	72063	Marketing du lịch					1						1		1							
	72463	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch			1		1	1	1	2	1	1			2	1						
IV	73313	Văn hóa ẩm thực VN & Thế giới	1					2	2			2			2	2						
	73544	Thiết kế và điều hành tour					2	2	2						2		2		2			2
	72052	Nghịệp vụ buồng									3											
	73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	1					1	1												2	2
	72703	Thực tập nghề nghiệp 1													2	2	2	2			2	
V	73702	Kế toán chuyên ngành du lịch					2										2					
	72043	Nghịệp vụ lễ tân									2									2		
	73553	Quản trị nhân lực du lịch																	2	2	2	2
	72272	Văn hóa du lịch						2	2						2	2						
	04372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	2				2	2	2						2	2						
	73722	Địa lí Việt Nam				2	2		2						2	2						

Mã HP	Học phần	CDR về Kiến thức và TĐNL được phân bổ cho học phần																			
		K01				K02			K03					K04				K05			
		K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K02.1	K02.2	K02.3	K03.1	K03.2	K03.3	K03.4	K03.5	K04.1	K04.2	K04.3	K04.5	K05.1	K05.2	K05.3	K04
	73752					2									2	2	2				
	73772											2									2
	73511					3	3	3	3					3	3	3	3				
	7604							3													
	73742						2				3								2		
VI	72403															3		3			3
	73732														3	3	3				
	72602			3								3									
	72922					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3
	7614							4													
VII	72613					3				3	3								3	3	3
	73572			3		3					3							3	3	3	3
	73782										3									3	3
	73792									3	3						3	3	3	3	3
	73712						3	3						3	3						
	73762		3				2													3	
	73662																	3	3	3	3
	72692		3																		
	73642					3												3	3	3	3
	73522					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
	73563					4						4						4	4	4	4
VIII	73672												4								
	72934	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	72928	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

1. Ghi nhớ, 2. Hiểu, 3. Áp dụng, 4. Phân tích, 5. Đánh giá - sáng tạo

Phần 2: Kỹ năng

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kỹ năng và TĐNL được phân bổ cho học phần																
			S01						S02		S03					S04			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S03.5	S04.1	S04.2	S04.3	S04.4
I	72003	Tổng quan du lịch												1				1	
	73583	Kinh tế du lịch		1	1	1	1	1						1	1				
	73523	Tài nguyên và môi trường DL		1	1		1							1					
II	73692	Tuyến điểm du lịch Việt Nam		1	1									1	1		1		
	73613	Tâm lí du khách			1									1					
	73682	Luật du lịch & Đạo đức kinh doanh Việt Nam	1	1	1	1	1	1								1	1	1	1
	73603	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong DL	1	1	1	1	1	1						1	1	1			
	73501	Thực tế 1 (KV TG/BT/LA)			1									1				1	
III	73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch									2	2	2	2	2				
	72063	Marketing du lịch				1								2					
	72463	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch		2	2	2	2	2						2	2				
IV	73313	Văn hóa ẩm thực VN & Thế giới	2	2	2	2	2	2						2	2				
	73543	Thiết kế và điều hành tour		2	2	2										2	2		
	72052	Nghiệp vụ buồng		2	2														
	73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	2	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2	2
	72703	Thực tập nghề nghiệp 1	2	2	2	2	2	2			2		2	2				2	
V	73702	Kế toán chuyên ngành du lịch			2												2		
	72043	Nghiệp vụ lễ tân			2							2	2		2				
	73553	Quản trị nhân lực du lịch				2	3	3						2	2	2	2		2
	72272	Văn hóa du lịch		2	2	2								2					
	4372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	2	2	2	2	2	2						2					

[illegible]

Mã HP	Học phần	CDR về Kỹ năng và TĐNL được phân bổ cho học phần																
		S01						S02		S03					S04			
		S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S03.5	S04.1	S04.2	S04.3	S04.4
72934	Thực tập Chuyên đề cuối khóa	4	4	4			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
72928	Khóa luận cuối khóa	4	4	4			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

1. Bắt chước, 2. Làm được, 3. Làm chính xác, 4. Phối hợp, 5. Thuần thục

Phần 3: Mức tự chủ và trách nhiệm

HK	Mã HP	Học phần	CDR về Mức tự chủ & trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần										
			A01				A02				A03		
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A03.1	A03.2	A03.3
I	72003	Tổng quan du lịch		1									1
	73583	Kinh tế du lịch	1	1							1	1	1
	73523	Tài nguyên và môi trường DL	1	1									
II	73692	Tuyển điểm du lịch Việt Nam		1	1							1	1
	73613	Tâm lí du khách		1									1
	73682	Luật DL & Đạo đức KD VN	1	1	1	1					1	1	1
	73603	Phương pháp NCKH trong DL	1	1	1	1		1	1	1	1		1
	73501	Thực tế 1 (KV TG/BT/LA)	1					1					
III	73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch		1									1
	72063	Marketing du lịch	2										2
	72463	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	2	2					2	2	2
IV	73313	Văn hóa ẩm thực VN & Thế giới	2	2	2	2						2	2
	73543	Thiết kế và điều hành tour	2	2	2	2			2	2	2	2	2
	72052	Nghiệp vụ buồng					2	2	2		2	2	2
	73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	2	2	2	2			2	2	2	2	2
	72703	Thực tập nghề nghiệp 1	2	2	2	2					2		2
V	73702	Kế toán chuyên ngành du lịch			2								

	Mã HP	Học phần	CĐR về Mức tự chủ & trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần										
			A01				A02				A03		
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A03.1	A03.2	A03.3
	72043	Nghệ vụ lễ tân					2	2	2		2	2	2
	73553	Quản trị nhân lực du lịch	2	2	2	2	2	2	2				
	72272	Văn hóa du lịch	2				2	2					2
	4372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	2	2	2	2							
	73722	Địa lí Việt Nam	2	2	2	2					2	2	2
	73752	Phát triển sản phẩm du lịch	2										2
	73772	Marketing nhà hàng - khách sạn	2										2
	73511	Thực tế 2 (KV ĐBSCL)	3					3					
	07604	Tiếng Anh chuyên ngành DL 1											3
	73742	Phương pháp xây dựng thực đơn		2									2
VI	72403	Quản trị kinh doanh lễ hành		3									3
	73732	Du lịch cộng đồng	2	2	2	2						3	3
	72602	Tin học ứng dụng CN DL	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2
	72922	Thực tập nghề nghiệp 2	3	3				3	3		3	3	3
	7614	Tiếng Anh chuyên ngành DL 2	3					3					
VII	72613	Quản trị nhà hàng - khách sạn	3	3	3					3	3		3
	73572	Thương mại điện tử trong DL	3	3							3	3	3
	73782	Quản trị thực phẩm đồ uống	3	3		3		3					3
	73792	Quản trị resort&khu vui chơi giải trí	3	3	3						3		3
	73712	Bảo tồn di sản Việt Nam	3								3	3	3
	73762	Team building và hoạt náo									3		3
	73662	Khởi sự doanh nghiệp tổ chức du lịch	3	3						3	3		3
	72692	Y tế trong du lịch	3	3								3	3
	73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh DL	3	3					3	3		3	3
	73522	Thực tế 3 (KV MT&TN)	3	3	3	3		3	3	3			
	73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	4	4	4	4			4	4		4	4

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Mức tự chủ & trách nhiệm và TĐNL được phân bổ cho học phần										
			A01				A02				A03		
			A01.1	A01.2	A01.3	A01.4	A02.1	A02.2	A02.3	A02.4	A03.1	A03.2	A03.3
VIII	73672	Chuyên đề	4	4								4	4
	72934	Thực tập Chuyên đề cuối khóa	4	4	4	4					4	4	4
	72928	Khóa luận cuối khóa	4	4	4		4		4		4	4	4

1. Tiếp nhận, 2 – Đáp ứng, 3.Đánh giá thừa nhận 4.Tổ chức thực hiện, 5. Đặc trưng hóa

PHỤ LỤC III:

**BỘ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CTĐT ĐH DU LỊCH**